

Câu 5: Phân tích quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về chọn con đường cách mạng vô sản?

Những năm đầu thế kỷ XX, cách mạng Việt Nam đứng trước những thách thức mới, đó là tìm ra con đường giải phóng dân tộc đúng đắn. Con đường phong kiến, khuynh hướng tư sản từng bước dần dất phong trào cách mạng nước ta đi lên nhưng cuối cùng đều thất bại. Đến năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc, đó là con đường cách mạng vô sản. Vậy, vì sao Bác lại lựa chọn con đường đó?

Bằng những hoạt động thực tiễn của mình Nguyễn Ái Quốc đã có những nhận thức về cách mạng thế giới và những con đường cứu nước, từ đó Bác lựa chọn con đường đúng đắn cho dân tộc ta.

Năm 1911, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước. Người đã bôn ba khắp năm châu, và bước đầu có những nhận thức về bạn và thù (trích dẫn câu nói của bác). Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga giành thắng lợi, chủ nghĩa Mác – Lê nin đã trở thành hiện thực, đồng thời mở ra một thời đại mới “ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”. Cách mạng Tháng Mười đã nêu tấm gương sáng trong việc giải phóng các dân tộc bị áp bức. Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Cách mạng Tháng Mười như tiếng sét đã đánh thức nhân dân Châu Á tỉnh giấc mê hàng thế kỷ nay”. Thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga và những chính sách tiến bộ của nó thực sự đem lại lợi ích cho đông đảo quần chúng nhân dân. Nó chứng tỏ được sự tiến bộ của hình thức cách mạng này.

Trong khi đó, chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc đã để lại những hậu quả vô cùng nặng nề. Loài người căm ghét chiến tranh. Trong khi đó cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga thực sự đem lại hòa bình tự do cho con người.

Từ những nhận thức đó Nguyễn Ái Quốc đã bắt đầu tin tưởng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga. Người đã có những nhận thức hết sức đúng đắn. Người đánh giá cao tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái và quyền con người của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như Cách mạng Mỹ (1776), cách mạng Pháp (1789)... nhưng cũng nhận thức rõ những hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản. Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường cách mạng tư sản không thể đưa lại độc lập và hạnh phúc thật sự cho nhân dân các nước nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng.(trích dẫn câu nói). Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm tìm hiểu cách mạng tháng mười nga 1917. Người rút ra kết luận: “ trong thế giới bấy giờ chỉ có Cách mệnh Nga là thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật”.

Việc Bác lựa chọn con đường cách mạng vô sản cũng xuất phát từ tình hình của cách mạng nước ta lúc đó, cũng như từ yêu cầu của cách mạng: Là nước thuộc địa nửa phong kiến, chịu ách áp bức bóc lột của thực dân Pháp. Pháp áp đặt chính sách cai trị thực dân, đồng thời cấu kết với giai cấp địa chủ trong việc bóc lột kinh tế và áp bức chính trị đối với nhân dân Việt Nam. Mặc dù nền kinh tế có những chuyển nhưng về cơ bản vẫn là nền kinh tế lạc hậu, nghèo nàn, què quặt, lệ thuộc vào Pháp. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, đời sống của nhân dân lao động hết sức khó khăn. Xã hội phân hóa ngày càng sâu sắc. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và bọn tay sai lên đến đỉnh điểm.

Yêu cầu của cách mạng lúc này là phải giải quyết hai nhiệm vụ cách mạng, đó là: Nhiệm vụ dân tộc nhằm đánh đuổi thực dân pháp, giành lại độc lập cho dân tộc. Và nhiệm vụ dân chủ nhằm đánh đổ chế độ phong kiến đem lại ruộng đất cho nông dân. Trong hai nhiệm vụ trên, nhiệm vụ dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu, quan trọng nhất. Con đường giải phóng dân tộc phải thực hiện được cả hai nhiệm vụ đó.

Xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam càng thôi thúc Người tìm ra con đường đấu tranh mới. Trước sự xâm lược của thực dân pháp, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng phong kiến và tư sản diễn ra mạnh mẽ. Tiêu biểu là phong trào cần vương theo con đường phong kiến, hoạt động của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh theo khuynh hướng tư sản. Các hoạt động yêu nước diễn ra mạnh mẽ nhưng cuối cùng đều thất bại. Những con đường đó không đáp ứng được yêu cầu của cuộc cách mạng, yêu cầu cần có con đường giải phóng dân tộc mới

Vào tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê nin đăng trên báo nhân đạo. người tìm thấy trong luận cương của Lê Nin lời giải đáp về con đường giải phóng cho nhân dân Việt Nam; về vấn đề thuộc địa trong mối quan hệ với phong trào cách mạng thế giới... Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác – Lê nin.

Tại Đại Hội Đảng Xã hội Pháp (tháng 2 – 1920), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập quốc tế cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng Sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của người – từ người yêu nước trở thành người cộng sản và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn: “muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”.

Việc lựa chọn con đường giải phóng đúng đắn cho dân tộc cũng xuất phát từ tấm lòng yêu quê hương, đất nước vô bờ, với sự quyết tâm tìm ra con đường cứu nước cao cả, tất cả trở thành động lực, hun đúc thành ngọn lửa cứu nước, và bằng tài năng mẫn cảm chính trị của mình cũng như những hoạt động miệt mài, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường giải phóng cho cả dân tộc.

Như vậy Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc cho nhân dân Việt Nam. Và thực tế lịch sử đã chứng minh sự lựa chọn đúng đắn đó. Năm 1930, Đảng cộng sản Việt Nam thành lập, đánh dấu sự thắng lợi của khuynh hướng cách mạng vô sản. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, thắng lợi cuộc kháng chiến chống pháp (1954) và kháng chiến chống Mỹ (1975) cũng như thắng lợi của công cuộc Đổi mới hiện nay càng chứng tỏ hướng đi đúng đắn của dân tộc và người có vai trò quan trọng nhất trong việc tìm ra và đặt nền tảng cho cách mạng Việt Nam không ai khác, đó là Nguyễn Ai Quốc – Hồ Chí Minh vĩ đại.

Câu 6: Nêu luận điểm cơ bản của HCM về CMGP dân tộc. Phân tích: “CMGPDT là sự nghiệp của toàn dân”

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc gồm 6 luận điểm:

1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

a) Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng ở thuộc địa

- Sự phân hóa của xã hội thuộc địa.
- Mâu thuẫn của xã hội thuộc địa.
- Đối tượng của cách mạng ở thuộc địa.
- Yêu cầu bức thiết của cách mạng thuộc địa.
- Nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng ở thuộc địa.
- Tính chất của cách mạng thuộc địa.

b) Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

- Lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.
- Giành độc lập dân tộc.
- Giành chính quyền về tay nhân dân.

2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

- a) Rút bài học từ sự thất bại của các con đường cứu nước trước đó
- b) Cách mạng tư sản là không triệt để. Chỉ có Cách mạng tháng Mười Nga mới là cuộc cách mạng triệt để.
- c) Con đường giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản.

3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

- a) Cách mạng trước hết phải có Đảng
- b) Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất. Trước hết Đảng phải khắc phục các nhược điểm của các Đảng trước đó bằng xây dựng Đảng tuân thủ các nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới của Lênin. Đồng thời Đảng CSVN vừa là Đảng của giai cấp công nhân, vừa là Đảng của Dân tộc, Đảng của Nhân dân Việt Nam.

4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

- a) Cách mạng là sự nghiệp của dân chúng bị áp bức
- b) Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc là toàn dân tộc với nòng cốt là liên minh công-nông.

5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

- a) Cách mạng giải phóng dân tộc cần tiến hành chủ động, sáng tạo: Nắm vững so sánh lực lượng, chủ động phát triển lực lượng, nắm chắc và chớp thời cơ kịp thời.
- b) Quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc là bình đẳng nên nó có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

- a) Tính tất yếu của bạo lực cách mạng. Bạo lực cách mạng là sức mạnh bạo lực của quần chúng nhân dân.
- b) Tư tưởng bạo lực cách mạng gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo và hoà bình
- c) Hình thái bạo lực cách mạng

Trong các luận điểm trên, luận điểm nào cũng bao gồm các nội dung sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh, nhưng luận điểm thứ 5 thể hiện cao nhất sự sáng tạo lý luận của Người. Bởi vì, *Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc của Người có nghĩa là:*

- a) *Cách mạng giải phóng dân tộc cần tiến hành chủ động, sáng tạo*

- Hồ Chí Minh khẳng định sức sống và nộc độc của chủ nghĩa đế quốc tập trung ở các nước thuộc địa. Chính sự áp bức, bóc lột tàn bạo của chủ nghĩa thực dân đế quốc đã tạo nên mâu thuẫn gay gắt giữa các dân tộc thuộc địa với CNTB.

Người viết: “tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi CNTB lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng, mộ công nhân rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó, và nhất là tuyển những binh lính bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó”[1]. “... nộc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các nước thuộc địa”[2].

- Trong cuộc đấu tranh chống CNĐQ, CNTD, cách mạng thuộc địa có tầm quan trọng đặc biệt. Nhân dân các dân tộc thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn. Chủ nghĩa dân tộc chân chính, chủ nghĩa yêu nước truyền thống là một động lực to lớn của cách mạng giải phóng dân tộc.

Cho nên, phải “làm cho các dân tộc hiểu nhau hơn, xích lại gần nhau, đoàn kết với nhau để tạo cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, làm một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”[3]; phải phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh quốc tế Cộng sản.

- Trong khi yêu cầu QT III và các đảng cộng sản quan tâm đến cách mạng thuộc địa, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định *công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực tự giải phóng*.

Vận dụng công thức của C.Mác: “Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân”, Người đi đến luận điểm: “Công cuộc giải phóng anh em (tức nhân dân thuộc địa), chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”[4].

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao sức mạnh của một dân tộc vùng dậy chống đế quốc thực dân; chủ trương phát huy nỗ lực chủ quan của dân tộc, tránh tư tưởng bị động, trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài. Người nói: “Kháng chiến trường kỳ gian khổ đồng thời phải tự lực cánh sinh. Trông vào sức mình... Cố nhiên sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng nhưng không được ỷ lại, không được ngồi mong chờ người khác. Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”[5].

b) Quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc

- Trong phong trào cộng sản quốc tế đã từng tồn tại quan điểm xem thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc. Quan điểm này vô hình dung đã làm giảm tính chủ động, sáng tạo của các phong trào cách mạng ở thuộc địa. Hồ Chí Minh đã phê phán và chỉ ra sai lầm của quan điểm đó.

- Theo Hồ Chí Minh, giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. *Đó là mối quan hệ bình đẳng chứ không phải là quan hệ lệ thuộc hay quan hệ chính - phụ*. Năm 1925 Người viết, “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”[6].

- Nhận thức đúng vai trò, vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa và sức mạnh dân tộc, Nguyễn Ái Quốc cho rằng *cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể giành thắng lợi trước và giúp đỡ cách mạng vô sản ở chính quốc*.

Bởi vì “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở thuộc địa”[7], và “Ngày mà hàng trăm nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”[8].

Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận thực tiễn và lý luận to lớn; một cống hiến quan trọng vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, đã được thắng lợi của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên toàn thế giới trong gần một thế kỷ qua chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

- **Luận điểm: “CMGPDT là sự nghiệp của toàn dân”**

Năm 1924, Hồ Chí Minh đã nghĩ đến một cuộc khởi nghĩa vũ trang toàn dân. Người cho rằng: "Để có cơ thắng lợi, một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương: - Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng...".

Hồ Chí Minh nghiêm khắc phê phán việc lấy ám sát cá nhân và bạo động non làm phương thức hành động. "hoặc xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức; hoặc làm cho dân quen ỷ lại, mà quên tính tự cường" Người khẳng định "cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người".

Trong Cách mạng Tháng Tám 1945 cũng như hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ,

Hồ Chí Minh lấy nhân dân làm nguồn sức mạnh. Quan điểm "lấy dân làm gốc" xuyên suốt quá trình chỉ đạo chiến tranh của Người. "Có dân là có tất cả", "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Khi còn hoạt động ở nước ngoài, Hồ Chí Minh nói: "Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập".

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của quần chúng nhân dân trong khởi nghĩa vũ trang. Người coi sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng là nhân tố then chốt bảo đảm thắng lợi. Người khẳng định: "Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi". "Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được". "Chúng ta tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quần chúng, của dân tộc".

Dưới chế độ cai trị của chủ nghĩa tư bản Pháp, từ một xã hội phong kiến thuần túy, Việt Nam biến thành một xã hội thuộc địa với những tàn tích phong kiến nặng nề. Mặc dù thực dân Pháp còn duy trì một phần quan hệ kinh tế và giai cấp địa chủ phong kiến, song khi đã thành một chế độ thuộc địa thì tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và giai cấp ở Việt Nam đều bị đặt trong quỹ đạo chuyển động của xã hội đó. Ngoài giai cấp công nhân và nông dân, giai cấp tư sản dân tộc và một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ mặc dù vẫn có mặt hạn chế trong quan hệ với quần chúng lao động, nhưng trong quan hệ với thực dân Pháp thì họ cũng là những người Việt Nam chịu nỗi nhục mất nước. Đó không phải là những giai cấp thống trị, mà trái lại, họ là những giai cấp bị trị và có khả năng tham gia phong trào giải phóng dân tộc.

Hồ Chí Minh phân tích: "... dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền". Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Người xác định lực lượng, cách mạng hao gồm cả dân tộc: Đảng phải tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, tập hợp đại bộ phận nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, lãnh đạo nông dân làm cách mạng ruộng đất; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... đi vào phe vô sản giai cấp: đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến) thì phải đánh đổ.

Trong lực lượng toàn dân tộc. Hồ Chí Minh hết sức nhấn mạnh vai trò động lực cách mạng của công nhân và nông dân. Người phân tích: các giai cấp công nhân và nông dân có số lượng đông nhất, nên có sức mạnh lớn nhất. Họ lại bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, nên "lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết... công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc". Từ đó Người khẳng định: công nông "là gốc cách mệnh". Khẳng định vai trò động lực cách mạng của công nhân và nông dân là một vấn đề hết sức mới mẻ so với nhận thức của những nhà yêu nước trước đó.

Trong khi hết sức nhấn mạnh vai trò của công nhân và nông dân, Hồ Chí Minh không coi nhẹ khả năng tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc của các giai cấp và tầng lớp khác. Người coi tiểu tư sản, tư sản

dân tộc và một bộ phận giai cấp địa chủ là bạn đồng minh của cách mạng. Người chỉ rõ: "... học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; ba hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi".

Câu 7: Quan niệm của Hồ Chí Minh về bản chất đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

- Hồ Chí Minh bày tỏ quan niệm của mình về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không hẳn chỉ trong một bài viết hay trong một cuộc nói chuyện nào đó, mà tùy từng lúc, từng nơi, tùy từng đối tượng người đọc, người nghe mà Người diễn đạt quan niệm của mình, vẫn là theo các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội nhưng với cách diễn đạt ngôn ngữ nói và viết của Hồ Chí Minh thì những vấn đề đầy chất lý luận chính trị phong phú phức tạp được biểu đạt bằng ngôn ngữ của cuộc sống của nhân dân Việt Nam, rất mộc mạc dung dị, dễ hiểu.

- Hồ Chí Minh có quan niệm tổng quát khi coi chủ nghĩa cộng sản chủ nghĩa xã hội như là một chế độ xã hội bao gồm các mặt rất phong phú hoàn chỉnh, trong đó con người được phát triển toàn diện, tự do. Trong một xã hội như thế mọi thiết chế cơ cấu xã hội đều nhằm tới mục tiêu giải phóng con người.

- Hồ Chí Minh diễn đạt quan niệm của mình về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên một số mặt nào đó của nó như chính trị, kinh tế, văn hóa. xã hội... Với cách diễn đạt như thế của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, chúng ta không nên tuyệt đối hóa từng mặt, hoặc tách riêng rẽ từng mặt của nó mà cần đặt trong một tổng thể chung.

- Hồ Chí Minh quan niệm về chủ nghĩa xã hội ở nước ta bằng cách nhấn mạnh mục tiêu vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, là làm cho mọi người được ăn no, mặc ấm, được sung sướng, tự do là "nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc ai cũng được học hành" như "ham muốn tốt bậc" mà Người đã trả lời các nhà báo tháng 1 năm 19-16.

- Hồ Chí Minh nêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong ý thức, động lực của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Xây dựng một xã hội như thế là trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi, động lực của toàn dân tộc. Cho nên với động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam sức mạnh tổng hợp được sử dụng và phát huy, đó là sức mạnh toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại.

- Những đặc trưng chủ yếu

Đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, cũng trên cơ sở của lý luận Mác - Lênin, nghĩa là trên những mặt về chính trị kinh tế, văn hóa - xã hội. Còn về cụ thể chúng ta thấy Hồ Chí Minh nhấn mạnh chủ yếu trên những điểm sau đây:

+ Đó là một chế độ chính trị do nhân dân làm chủ

Chủ nghĩa xã hội có chế độ chính trị dân chủ. nhân dân lao động là chủ và nhân dân lao động làm chủ. Nhà nước là của dân do dân và vì dân, dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh công - nông - lao động trí óc do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Mọi quyền lực trong xã hội đều tập trung trong tay nhân dân. Nhân dân đoàn kết thành một khối thống nhất để làm chủ nước nhà. Nhân dân là người quyết định vận mệnh cũng như sự phát triển của đất nước dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh coi nhân dân có vị trí tối thượng trong mọi cấu tạo quyền lực. Chủ nghĩa xã hội chính là sự nghiệp của chính bản thân nhân dân, dựa vào sức mạnh của toàn dân để đưa lại quyền lợi cho nhân dân.

+ Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật

Đó là xã hội có một nền kinh tế phát triển dựa trên cơ sở năng suất lao động xã hội cao, sức sản xuất luôn luôn phát triển với nền tảng phát triển khoa học - kỹ thuật, ứng dụng có hiệu quả những thành tựu khoa học - kỹ thuật của nhân loại.

+ Chủ nghĩa xã hội là chế độ không còn người bóc lột người

Đây là một vấn đề được hiểu nó như là một chế độ hoàn chỉnh, đạt đến độ chín muồi. Trong giai đoạn đầu (quá độ lên chủ nghĩa xã hội), vẫn có tình trạng bóc lột sức lao động của người lao động làm thuê. Trong chủ nghĩa xã hội, thực hiện chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Đó là một xã hội được xây dựng trên nguyên tắc công bằng, hợp lý.

+ Chủ nghĩa xã hội là một xã hội phát triển cao về văn hóa, đạo đức

Đó là một xã hội có hệ thống quan hệ xã hội lành mạnh, công bằng, bình đẳng, không còn áp bức, bóc lột, bất công, không còn sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa thành thị và nông thôn, con người được giải phóng, có điều kiện phát triển toàn diện, có sự hài hòa trong phát triển của xã hội và tự nhiên.

Các đặc trưng nêu trên là hình thức thể hiện một hệ thống giá trị vừa kế thừa các di sản của quá khứ vừa được sáng tạo mới trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là hiện thân đỉnh cao của tiến trình tiến hóa lịch sử nhân loại. Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội là sự tổng hợp quyện chặt ngay trong cấu trúc nội tại của nó, một hệ thống giá trị làm nền tảng điều chỉnh các quan hệ xã hội, đó là độc lập, tự do, bình đẳng, công bằng, dân chủ, bảo đảm quyền con người, bác ái, đoàn kết, hữu nghị.

Câu 8: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về động lực của CNXH

- Những mục tiêu cơ bản

+ Hồ Chí Minh ý thức được rõ ràng giá trị của chủ nghĩa xã hội về mặt lý luận là quan trọng, nhưng vấn đề quan trọng hơn là tìm ra con đường để thực hiện những giá trị này. Điềm then chốt, có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng của Hồ Chí Minh là đề ra các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội trong mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau ở nước ta. Chính thông qua quá trình đề ra các mục tiêu đó chủ nghĩa xã hội được biểu hiện với việc thỏa mãn các nhu cầu lợi ích thiết yếu của người lao động. Ở Hồ Chí Minh, mục tiêu chung của chủ nghĩa xã hội và mục tiêu phấn đấu của Người là một đó là độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân; đó là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

+ Từ cách đặt vấn đề này theo Hồ Chí Minh, hiểu mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, nghĩa là nắm bắt nội dung cốt lõi con đường lựa chọn và bản chất thực tế xã hội mà chúng ta phấn đấu xây dựng. Tiếp cận chủ nghĩa xã hội về phương diện mục tiêu là một nét đặc sắc, thể hiện phong cách và năng lực tư duy lý luận khái quát của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh có nhiều cách đề cập mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

+ Hồ Chí Minh quan niệm mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là nâng cao đời sống nhân dân. Đó là sự tin tưởng cao độ vào lý tưởng vì dân. Theo Người, muốn nâng cao đời sống nhân dân, phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu nâng cao đời sống toàn dân đó là tiêu chí tổng quát để khẳng định và kiểm nghiệm tính chất xã hội chủ nghĩa của các lý luận chủ nghĩa xã hội và chính sách thực tiễn. Trượt ra khỏi quỹ đạo đó thì hoặc là chủ nghĩa xã hội giả hiệu hoặc không có gì tương thích với chủ nghĩa xã hội.

+ Chỉ rõ và nêu bật mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh đã khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với chế độ xã hội đã tồn tại trong lịch sử, chỉ ra nhiệm vụ giải phóng con người một cách toàn diện, theo các cấp độ: từ giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp xã hội đến giải phóng từng cá nhân con người, hình thành các nhân cách phát triển tự do.

Như vậy. Hồ Chí Minh đã xác định các mục tiêu cụ thể của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Mục tiêu chính trị: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chế độ chính trị phải là do nhân dân lao động làm chủ. Nhà nước là của dân do dân và vì dân. Nhà nước có hai chức năng: dân chủ với nhân dân. chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Hai chức năng đó không tách rời nhau, mà luôn luôn đi đôi với nhau. Một mặt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải phát huy quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của nhân dân; mặt khác lại yêu cầu phải chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân. chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa.

Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Hồ Chí Minh chỉ rõ con đường và biện pháp thực hiện các hình thức dân chủ trực tiếp, nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng: củng cố các hình thức dân chủ đại diện, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, xử lý và phân định rõ chức năng của chúng.

- Mục tiêu kinh tế: Theo Hồ Chí Minh, chế độ chính trị của chủ nghĩa xã hội chỉ được bảo đảm và đứng vững trên cơ sở một nền kinh tế vững mạnh. Nền kinh tế mà chúng ta xây dựng là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công - nông nghiệp hiện đại. khoa học - kỹ thuật tiên tiến, cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được bỏ dần, đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta cần phát triển toàn diện các ngành mà những ngành chủ yếu là công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, trong đó “công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế nước nhà”.

Kết hợp các loại lợi ích kinh tế là vấn đề rất được Hồ Chí Minh quan tâm. Người đặc biệt nhấn mạnh chế độ khoán là một trong những hình thức của sự kết hợp lợi ích kinh tế.

- Mục tiêu văn hóa - xã hội: Theo Hồ Chí Minh, văn hóa là một mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Văn hóa thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội đó là xóa nạn mù chữ, xây dựng, phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, xây dựng phát triển văn hóa - nghệ thuật, thực hiện nếp sống mới, thực hành vệ sinh phòng bệnh, giải trí lành mạnh, bài trừ mê tín dị đoan, khắc phục phong tục tập quán lạc hậu

Về bản chất của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người khẳng định: “phải xã hội chủ nghĩa về nội dung”: để có một nền văn hóa như thế ta phải phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc, đồng thời học tập văn hóa tiên tiến của thế giới. Phương châm xây dựng nền văn hóa mới là: Dân tộc, khoa học, đại chúng.

Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa là đào tạo con người. Bởi lẽ, mục tiêu cao nhất, động lực quyết định nhất công cuộc xây dựng chính là con người.

- Các động lực của chủ nghĩa xã hội

+ Theo Hồ Chí Minh, những động lực biểu hiện ở các phương diện: vật chất và tinh thần; nội sinh và ngoại sinh, động lực quan trọng và quyết định nhất là con người, là nhân dân lao động. Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đến lợi ích chính đáng, thiết thân của họ; đồng thời chăm

lo bồi dưỡng sức dân. Đó là lợi ích của nhân dân và từng cá nhân.

+ Nói con người là động lực của chủ nghĩa xã hội, hơn nữa là động lực quan trọng nhất. Hồ Chí Minh đã nhận thấy ở động lực này có sự kết hợp giữa cá nhân với xã hội. Người cho rằng, không có chế độ xã hội nào coi trọng lợi ích chính đáng của cá nhân con người bằng chế độ xã hội chủ nghĩa. Truyền thống yêu nước của dân tộc, sự đoàn kết cộng đồng, sức lao động sáng tạo của nhân dân, đó là sức mạnh tổng hợp tạo nên động lực quan trọng của chủ nghĩa xã hội

+ Nhà nước đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện chức năng quản lý xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi. Người đặc biệt quan tâm

đến hiệu lực của tổ chức, bộ máy, tính nghiêm minh của kỷ luật, pháp luật, sự trong sạch, liêm khiết của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp từ Trung ương tới địa phương.

+ Hồ Chí Minh rất coi trọng động lực kinh tế, phát triển kinh tế, sản xuất, kinh doanh, làm cho mọi người, mọi nhà trở nên giàu có, ích quốc lợi dân, gắn liền kinh tế với kỹ thuật, kinh tế với xã hội.

+ Cùng với động lực kinh tế. Hồ Chí Minh cũng quan tâm tới văn hóa, khoa học, giáo dục, coi đó là động lực tinh thần không thể thiếu của chủ nghĩa xã hội.

Tất cả những nhân tố động lực nêu trên là những nguồn lực tiềm tàng của sự phát triển. Làm thế nào để những khả năng, năng lực tiềm tàng đó trở thành sức mạnh và không ngừng phát triển. Hồ Chí Minh nhận thấy sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Đây là hạt nhân trong hệ động lực của chủ nghĩa xã hội.

+ Ngoài các động lực bên trong, theo Hồ Chí Minh, phải kết hợp được với sức mạnh thời đại, tăng cường đoàn kết quốc tế, chủ nghĩa yêu nước phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, phải sử dụng tốt những thành quả khoa học - kỹ thuật thế giới...

Nét độc đáo trong phong cách tư duy biện chứng Hồ Chí Minh là chỗ bên cạnh việc chỉ ra các nguồn động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội, Người còn lưu ý, cảnh báo và ngăn ngừa các yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn năng lượng vốn có của chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội trở nên trì trệ, xơ cứng, không có sức hấp dẫn, đó là tham ô, lãng phí, quan liêu... mà Người gọi đó là “giặc nội xâm”.

Câu 9: Phân tích và làm rõ sự sáng tạo của HCM trong quan điểm về sự ra đời của Đảng, về vai trò của Đảng trong tiến trình cách mạng

1. Hồ Chí Minh khẳng định: “Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới sự thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người đã sáng lập, xây dựng và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam thành một Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam, lãnh đạo nhân dân, lèo lái con thuyền cách mạng vượt qua mọi thác ghềnh đi đến bến bờ độc lập. Hồ Chí Minh đã dành cả cuộc đời mình cho mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; cho độc lập tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Để biến mục tiêu thành hiện thực, ngay từ những ngày đầu hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh quan tâm hàng đầu về mặt tổ chức là sớm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng và xây dựng Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng được hình thành và phát triển càng ngày càng hoàn thiện hơn, sâu sắc hơn theo tiến trình đi lên của cách mạng qua các thời kỳ gắn liền với thực tiễn đời sống của Đảng. Đó chính là kết quả của quá trình vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng và xây dựng Đảng phù hợp điều kiện, hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam.

Nét sáng tạo độc đáo nhất là quy luật hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản.

Xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của nước Nga và châu Âu, khi bàn về sự ra đời của Đảng Cộng sản, Lênin đã xác định Đảng Cộng sản là kết quả của sự kết hợp hai yếu tố: chủ nghĩa Mác (sau này là chủ nghĩa Mác - Lênin) và phong trào công nhân. Lênin cho rằng: Bản thân phong trào công nhân có phát triển mạnh mẽ đến đâu đi chăng nữa, nhưng không có chủ nghĩa Mác soi sáng thì giai cấp công nhân cũng không thể nào phát triển lên được trình độ tự giác, không thể ý thức được sứ mệnh lịch sử của mình; đồng thời chủ nghĩa Mác không thể mang trong mình bản chất cách mạng và khoa học nếu nó không đi

vào phong trào công nhân, phong trào công nhân trở thành “cái cốt vật chất” cho chủ nghĩa Mác, làm cho chủ nghĩa Mác luôn có sức sống mạnh mẽ.

Đến Hồ Chí Minh, trên cơ sở thừa nhận và đánh giá cao hai yếu tố chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, Người còn đề cập thêm yếu tố thứ ba khi nói về quy luật hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam - đó là phong trào yêu nước.

Từ nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa Mác, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được”. Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển lý luận và thực tiễn quy luật ra đời của Đảng Cộng sản ở một nước nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, thuộc địa nửa phong kiến. Việc đưa phong trào yêu nước Việt Nam làm yếu tố thứ ba trong quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự sáng tạo lớn trong việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa cái chung và cái đặc thù.

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao phong trào yêu nước. Phong trào yêu nước ở Việt Nam có từ rất sớm và kết tinh thành chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã trở thành giá trị đạo đức tốt đẹp nhất trong cộng đồng dân tộc, là giá trị tinh thần trường tồn trong lịch sử của dân tộc. Phong trào yêu nước đã trở thành dòng văn hóa chủ lưu của cộng đồng người Việt Nam, yêu nước gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội. Ở Việt Nam, phong trào yêu nước có trước phong trào công nhân. Khi giai cấp công nhân ra đời và có phong trào đấu tranh thì phong trào yêu nước không bài xích, không đối lập mà kết hợp ngay với phong trào công nhân.

Sự nổi bật của quá trình kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với các phong trào cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam và phong trào yêu nước là đã làm chuyển hóa những người yêu nước thành người cộng sản. Trong quá trình kết hợp đó, Hồ Chí Minh đã phát hiện sự thống nhất biện chứng giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, đã đặt vị trí quan trọng của vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản. Chính vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, đồng thời cũng là Đảng của cả dân tộc Việt Nam - một Đảng mang bản chất giai cấp công nhân, nhưng có tính chất quần chúng rộng rãi, tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho Đảng ta kho tàng lý luận không những lúc bấy giờ mà cho đến ngày nay vẫn còn giữ nguyên giá trị. Đặc biệt là trong thời điểm toàn Đảng, toàn dân đang đẩy mạnh Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” với chủ đề: Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh” thì hơn bao giờ hết, việc nghiên cứu những quan điểm vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng càng có ý nghĩa quan trọng. Đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin cũng giống như “chiếc cảm nang thần kỳ”; hơn tác dụng của chiếc cảm nang thần kỳ, chủ nghĩa Mác - Lênin còn là “mặt trời soi sáng” con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

2. Vai trò:

Sức mạnh của nhân dân là vô cùng to lớn, nhưng chỉ được phát huy khi được giác ngộ, tập hợp, đoàn kết, lãnh đạo của một tổ chức cách mạng. Ng nói: Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi. Muốn làm cách mạng, trước hết phải có Đảng để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản ở mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy.

HCM còn khẳng định: cách mạng muốn thắng lợi phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối, và định phương châm cho đúng, để khỏi lạc đường. Làm CM là rất gian khổ, phải có chí khí kiên quyết,

phải được tổ chức chặt chẽ. Vì vậy phải có Đảng để tổ chức và giáo dục nhân dân thành một đội quân thật mạnh, để giành lấy chính quyền

Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng vẫn cần có Đảng lãnh đạo. ĐCS VN là đội tiên phong của giai cấp công nhân VN, có khả năng đoàn kết tập hợp các tầng lớp nhân dân khác làm cách mạng. Đảng là đội tiên phong dũng cảm và là đội tham mưu sáng suốt. ĐCSVN tận tâm, tận lực phụng sự Tổ Quốc, phụng sự nhân dân, trung thành tuyệt đối với lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của nhân dân và của dân tộc. Mục tiêu phấn đấu của Đảng là độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho mọi người.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh: Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo, tổ chức, thực hiện và quyết định mọi thắng lợi của CMVN.

HCM khẳng định: ĐCS VN là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân. ND quyết định bản chất giai cấp công nhân của Đảng là: nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác-Lênin; mục tiêu, đường lối của Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nguyên tắc và tổ chức sinh hoạt của Đảng theo Đảng vô sản kiểu mới. Từ việc xác định quy luật hình thành của ĐCSVN, Ng nhiều lần khẳng định Đảng còn là đảng của dân tộc VN. Trong TTHCM, bản chất giai cấp công nhân của Đảng là thống nhất với tính dân tộc, tính nhân dân

Câu 10: Phân tích quan điểm của HCM về sự cần thiết đối với công tác xây dựng chính đôn Đảng?

TTHCM về XD ĐCS VN trong sạch vững mạnh chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong toàn bộ di sản tư tưởng của Ng. Với HCM, XD Đảng là một nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên để Đảng hoàn thành vai trò chiến sĩ tiên phong trước giai cấp, dân tộc, nhân dân

Theo Người, xây dựng Đảng là một nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài. Khi cách mạng gặp khó khăn, xây dựng Đảng để cán bộ, đảng viên cũng cố lập trường, quan điểm, bình tĩnh, sáng suốt, không bi quan, nao núng, bị động. Khi cách mạng trên đà thắng lợi cũng cần đến xây dựng Đảng để xây dựng những quan điểm, tư tưởng cách mạng, khoa học, ngăn ngừa bệnh chủ quan, tự mãn, lạc quan tiêu và bệnh "kiêu ngạo cộng sản". Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là công việc quyết định sự sống còn của Đảng.

- Căn cứ quyết định tính khách quan của công tác xây dựng Đảng:

+ Sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo là một quá trình, bao gồm nhiều thời kỳ, nhiều giai đoạn; mỗi thời kỳ, giai đoạn có những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và những yêu cầu riêng. Trước diễn biến của yêu cầu khách quan, bản thân Đảng phải tự chỉnh đốn, tự đổi mới để vươn lên làm tròn trọng trách trước giai cấp và dân tộc.

+ Đảng là một bộ phận cấu thành của xã hội, mỗi cán bộ, đảng viên sẽ luôn chịu những ảnh hưởng, tác động của môi trường xã hội (cả những yếu tố tích cực, tiến bộ lẫn những yếu tố tiêu cực, phản tiến bộ). Phải thường xuyên chỉnh đốn Đảng để phát huy những mặt tích cực, chống lại những thói xấu trong mỗi cán bộ, đảng viên, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh.

+ Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục và tu dưỡng tốt hơn, giữ vững đạo đức cách mạng, hoàn thành các nhiệm vụ do Đảng và nhân dân giao phó.

+ Trong điều kiện Đảng trở thành Đảng cầm quyền thì công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng càng cần được nhấn mạnh. Vì, theo Hồ Chí Minh, quyền lực có tính hai mặt: một mặt, nó có sức mạnh to lớn để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới nếu biết sử dụng đúng; mặt khác, quyền lực cũng có sức phá hoại ghê gớm nếu người nắm quyền lực bị tha hoá, biến chất, tham quyền lực, lạm quyền,... ỡ Đảng phải đặc biệt quan tâm đến việc chỉnh đốn, đổi mới để hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi, tẩy trừ mọi tệ nạn do thoái hoá, biến chất gây nên.

Tóm lại, theo Hồ Chí Minh, xây dựng và chỉnh đốn Đảng là vấn đề mang tính quy luật và là nhu cầu tồn tại và phát triển của bản thân Đảng. Chỉnh đốn và đổi mới Đảng là nhằm làm cho Đảng thực sự trong

sạch, vững vàng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; làm cho đội ngũ cán bộ, Đảng viên không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực trước yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao, càng phức tạp của nhiệm vụ cách mạng. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng sẽ làm cho Đảng trở thành một khối thống nhất, vững mạnh, đủ sức lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua những khúc quanh đầy thử thách để cập bến thắng lợi.

2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Xây dựng Đảng về tư tưởng - lý luận

Theo Bác "... chỉ có đảng nào theo lý luận cách mạng tiên phong, đảng cách mạng mới làm nổi trách nhiệm cách mạng tiên phong", "Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy" "bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lenin"...

Để đạt mục tiêu cách mạng, HCM chỉ rõ: phải dựa vào lý luận cách mạng và khoa học của CNML, phải làm cho CNML trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của ĐCSVN. Đảng lấy CNML làm cốt có nghĩa là Đảng ta nắm vững tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lênin, lập trường, quan điểm và phương pháp của CNML, đồng thời nắm vững tinh hoa văn hoá dân tộc và trí tuệ thời đại vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Không máy móc, kinh viện, giáo điều. Vì vậy, trong tiếp nhận và vận dụng CNML, HCM lưu ý những điểm sau đây: Học tập, nghiên cứu, tuyên truyền CNML phải luôn phù hợp với hoàn cảnh và từng đối tượng. Vận dụng phải phù hợp từng hoàn cảnh.

Chú ý học tập, kế thừa kinh nghiệm tốt của các Đảng cộng sản khác, tổng kết kinh nghiệm của mình để bổ sung cho CNML.

- Đảng tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của CNML.

2. b) Xây dựng Đảng về chính trị

TTHCM trong việc xây dựng Đảng về chính trị có nhiều nội dung, trong đó đường lối chính trị là một vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của Đảng. Muốn xây dựng đường lối chính trị đúng đắn, Đảng phải: dựa trên cơ sở lý luận Mác-Lênin, vận dụng sáng tạo trên nền tảng điều kiện VN qua từng giai đoạn nhất định, học tập kinh nghiệm của các ĐCS anh em,...

Người lưu ý phải giáo dục đường lối chính sách của Đảng, thông tin thời sự cho cán bộ, đảng viên để họ luôn kiên định lập trường, giữ vững bản lĩnh chính trị trong mọi hoàn cảnh. Đồng thời người cũng cảnh báo nguy cơ sai lầm về đường lối chính trị, gây hậu quả nghiêm trọng đến vận mệnh của tổ quốc, sinh mệnh của từng cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2. c) Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ

- Hệ thống tổ chức của Đảng

+ Hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở phải thật chặt chẽ, có tính kỷ luật cao. Mỗi cấp độ tổ chức có chức năng, nhiệm vụ riêng.

+ Hồ Chí Minh rất coi trọng các tổ chức Đảng ở cơ sở, đặc biệt là chi bộ, vì đó là tổ chức hạt nhân, quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng.

- Các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng

+ Tập trung dân chủ

- Các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng

+ Tập trung dân chủ

Đây là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Đảng. Giữa tập trung và dân chủ có mối quan hệ khăng khít với nhau, là hai yếu tố của một nguyên tắc. Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Tập trung là thống nhất về tư tưởng, tổ chức, hành động. Thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, đảng viên chấp hành nghị quyết của tổ chức Đảng. Đảng tuy nhiều người, nhưng khi tiến hành thì chỉ như một người.

Dân chủ là của quý báu của nhân dân, là thành quả của cách mạng. Tất cả mọi người được tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Phải phát huy dân chủ nội bộ nếu không sẽ suy yếu từ bên trong.

- Các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng

+ Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách

Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách

Tập thể lãnh đạo vì, nhiều người thì thấy hết mọi việc, hiểu hết mọi mặt của vấn đề, có nhiều kiến thức, tránh tệ bao biện, quan liêu, độc đoán, chủ quan

Cá nhân phụ trách vì, Việc gì đã bàn kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy, tránh bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ dễ hỏng việc

Phải khắc phục tệ độc đoán, chuyên quyền, đồng thời chống cả tình trạng dựa dẫm tập thể, không dám quyết đoán, không dám chịu trách nhiệm

- Các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng

+ Tự phê bình và phê bình:

Tự phê bình và phê bình

Đây là nguyên tắc sinh hoạt đảng, là quy luật phát triển đảng

Mục đích của tự phê bình và phê bình là để làm cho phần tốt trong mỗi con người, mỗi tổ chức nảy nở như hoa mùa xuân, phần xấu mất dần đi

Người khẳng định: Một đảng mà giấu diếm khuyết điểm đó là một đảng hỏng. Một đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính

Thái độ, phương pháp tự phê bình và phê bình được Hồ Chí Minh nêu rõ: Phải tiến hành thường xuyên như người ta rửa mặt hàng ngày; phải thẳng thắn, chân thành, trung thực, không nể nang, không giấu diếm và cũng không thêm bớt khuyết điểm; "phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau", tránh lợi dụng phê bình để nói xấu nhau, bôi nhọ nhau, đả kích nhau...

- Các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng

+ Kỷ luật nghiêm minh và tự giác

Kỷ luật nghiêm minh và tự giác

Sức mạnh của một tổ chức cộng sản và mỗi đảng viên bắt nguồn từ ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm minh và tự giác.

Nghiêm minh là thuộc về tổ chức đảng, kỷ luật đối với mọi đảng viên không phân biệt. Mọi đảng viên đều bình đẳng trước Điều lệ Đảng

Tự giác là thuộc về mỗi cá nhân cán bộ đảng viên đối với Đảng. Kỷ luật này do lòng tự giác của họ về nhiệm vụ đối với Đảng. Yêu cầu cao nhất của kỷ luật đảng là chấp hành các chủ trương, nghị quyết của Đảng, tuân theo nguyên tắc tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt Đảng. Mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật đảng, mà cả kỷ luật của đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng

+ Đoàn kết thống nhất trong Đảng

Đoàn kết thống nhất trong Đảng

Theo HCM: Đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng ta, của nhân dân ta... phải giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Cơ sở để đoàn kết nhất trí trong Đảng chính là đường lối, quan điểm của Đảng, điều lệ Đảng

- Cán bộ, công tác cán bộ của Đảng

Nhận thức rõ tầm quan trọng của cán bộ trong sự nghiệp CM, HCM cho rằng, cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy, là mắt khâu trung gian nối liền giữa Đảng, NN và ND. Muốn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Cho nên người cán bộ phải có đủ đức, đủ tài để phục vụ cách mạng. Công tác cán bộ là công tác gốc của Đảng. Nội dung của nó bao hàm các mắt khâu liên hoàn, liên quan chặt chẽ với nhau, gồm: tuyển chọn cán bộ; đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ; đánh giá đúng cán bộ; tuyển dụng, sắp xếp, bố trí cán bộ; thực hiện các chính sách đối với cán bộ

2. d) Xây dựng Đảng về đạo đức

Khẳng định một đảng chân chính phải có đạo đức, Ng rất quan tâm đến vấn đề xây dựng đạo đức của Đảng. Đạo đức của Đảng ta là đạo đức mới, đạo đức cách mạng. Mỗi đảng viên phải thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư

Giáo dục đạo đức cách mạng là một nội dung quan trọng trong việc tu dưỡng, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Nó gắn chặt với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân nhằm làm cho Đảng luôn thực sự trong sạch, xứng đáng là một đảng cầm quyền

Liên hệ thực tiễn công tác xây dựng Đảng ta hiện nay

Trong bối cảnh, điều kiện mới, đứng trước những cơ hội cũng như những thách thức không nhỏ, Đảng ta vẫn kiên trì CNML, TTHCM. Đảng đã xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, đồng thời xây dựng nền văn hóa VN tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo nền tảng tinh thần cho sự phát triển xã hội.

Quán triệt TTHCM, ĐCSVN đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về mọi mặt, nhằm làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh; phát huy những thành quả đã đạt được, khắc phục, ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi những hạn chế, yếu kém; để lấy lại niềm tin trong nhân dân, xứng đáng với vai trò người lãnh đạo duy nhất của CMVN

Bởi vậy, việc tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục TTHCM về Đảng và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh phải được quán triệt đến từng tổ chức cơ sở đảng, từng cán bộ, đảng viên.

Câu 11: Quan điểm của HCM về đại đoàn kết dân tộc, phân tích ND: Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân.

Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, bảo đảm thành công của cách mạng

Hồ Chí Minh cho rằng, cuộc đấu tranh cứu nước của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX bị thất bại có một nguyên nhân sâu xa là cả nước đã không đoàn kết được thành một khối thống nhất. Người thấy rằng, muốn đưa cách mạng đến thành công phải có lực lượng cách mạng đủ mạnh để chiến thắng kẻ thù và xây dựng thành công xã hội mới; muốn có lực lượng cách mạng mạnh phải thực hiện đại đoàn kết, quy tụ mọi lực lượng cách mạng thành một khối vững chắc. Do đó, đoàn kết trở thành vấn đề chiến lược lâu dài của cách mạng, là nhân tố bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng.

Hồ Chí Minh đi đến kết luận: *muốn được giải phóng, các dân tộc bị áp bức và nhân dân lao động phải tự mình cứu lấy mình bằng đấu tranh cách mạng, bằng cách mạng vô sản*. Người đã vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng vô sản vào thực tiễn Việt Nam, xây dựng lý luận cách mạng thuộc địa, trong đó Người quan tâm nhiều đến vấn đề lực lượng cách mạng và phương pháp cách mạng.

Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, có thể và cần thiết phải điều chỉnh chính sách và phương pháp tập hợp lực lượng cho phù hợp với những đối tượng khác nhau, nhưng đại đoàn kết dân tộc luôn luôn được Người nhận thức là vấn đề sống còn của cách mạng.

Hồ Chí Minh đã đưa ra nhiều luận điểm về vấn đề đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế: Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công; Đoàn kết là điểm mẹ; điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt; Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần quan điểm coi sức mạnh của cách mạng là sức mạnh của nhân dân: "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Đồng thời, Người lưu ý rằng, nhân dân bao gồm nhiều lứa tuổi, nghề nghiệp, nhiều tầng lớp, giai cấp, nhiều dân tộc, tôn giáo, do đó phải đoàn kết nhân dân vào trong *Mặt trận dân tộc thống nhất*. Để làm được việc đó, Người yêu cầu Đảng, Nhà nước phải có chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với các giai cấp, tầng lớp, trên cơ sở lấy lợi ích chung của Tổ quốc và những quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động, làm *"mẫu số chung"* cho sự đoàn kết.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng

Đối với Hồ Chí Minh, yêu nước phải thể hiện thành thương dân, không thương dân thì không thể có tình thân yêu nước. Dân ở đây là số đông, phải làm cho số đông đó ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, sống tự do, hạnh phúc.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, chúng ta không chỉ thấy rõ việc Người nhấn mạnh vai trò to lớn của dân mà còn coi đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu của cách mạng. Do đó, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc phải được quán triệt trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Trong Lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng tuyên bố trước toàn thể dân tộc: Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc.

Xem dân là gốc, là lực lượng tự giải phóng nên Hồ Chí Minh coi vấn đề đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân để tạo ra sức mạnh là vấn đề cơ bản của cách mạng. Hồ Chí Minh còn cho rằng, *đại đoàn kết dân tộc không chỉ là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng mà còn là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc*. Bởi vì, đại đoàn kết dân tộc chính là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng, vì quần chúng. Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, đoàn kết quần chúng tạo thành sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho con người.

Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khái niệm *Dân*, có nội hàm rất rộng. Người dùng các khái niệm này để chỉ *"mọi con dân nước Việt"*, *"con Rồng cháu Tiên"*, không phân biệt dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, người tín ngưỡng với người không tín ngưỡng, không phân biệt già, trẻ, gái trai, giàu, nghèo. Nói đến đại đoàn kết dân tộc cũng có nghĩa phải tập hợp được mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Người đã nhiều lần nêu rõ: "Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ"

Với tinh thần đoàn kết rộng rãi, Người đã dùng khái niệm đại đoàn kết dân tộc để định hướng cho việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình cách mạng, bao gồm mọi giai cấp, dân tộc, tôn giáo.

Muốn thực hiện được đại đoàn kết toàn dân thì phải kế thừa truyền thống yêu nước- nhân nghĩa- đoàn kết của dân tộc, phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng với con người. Người đã nhiều lần nhắc nhở: "Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ"². Để thực hiện được đoàn kết, Người còn căn dặn: Cần xóa bỏ hết mọi thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ để phục vụ nhân dân.

Tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh có lập trường giai cấp rõ ràng, đó là đại đoàn kết toàn dân với nòng cốt là khối liên minh công - nông - trí thức do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Muốn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc rộng lớn như vậy, thì phải xác định rõ đâu là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc và những lực lượng nào tạo nên cái nền tảng đó. Người đã chỉ rõ: Đại đoàn kết tức là trước

hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Người coi công nông cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác. "Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất"

Về sau, Người nêu thêm: lấy liên minh công - nông - lao động trí óc làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân. Nền tảng càng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết dân tộc càng được mở rộng, không e ngại bất cứ thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc.